

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership Letter

5/19/90

From: Tran hoang hong
No. 12543 ; VRD 270
White head Detention Centre
Section 10. Shatin
Hong Kong.

Hong Kong,
April 10, 90.

Kính Gởi:

Bà Khúc Minh Thở, Chủ tịch
hội Gia đình Tù nhân Chính trị Việt Nam,
tại Hoa Kỳ.

Trích yếu: về việc xin Hội giúp gia
đình tôi có cơ hội định cư
ở Hoa Kỳ.

Kính thưa Quý liên hội:

Tôi tên là Trần Hoàng Phong

Sinh ngày: 25-4-1964

Quê quán: Huế, Thừa Thiên, Việt Nam

Hiện đang tỵ nạn tại Hong Kong.

Gia đình tôi được biết, vừa qua chính phủ
Mỹ và Hà Nội đã ký một hiệp định ngày
30/7/1989, thỏa thuận để cho những người
trước đây đã cộng tác với chính quyền và
quân đội của chính phủ Sài Gòn trước năm 1975
được sang định cư sang Hoa Kỳ theo nguyện
vọng của họ, nên gia đình tôi xin Quý liên hội
can thiệp với chính phủ Hoa Kỳ để giúp gia
đình tôi có cơ hội định cư ở Hoa Kỳ.

Cha tôi là Trần Đình Bá, vì lý do an
minh của bản thân, nên không thể đứng tên
để viết đơn trực tiếp liên hệ với Quý liên hội
được, mà phải nhờ tôi đang ở nước ngoài
mới thuận tiện làm việc này.

Tôi xin trình bày như sau:

Cha tôi tên là: Trần đình Bá

Sinh ngày: 05-5-1939.

Quê quán: Huế, Thừa Thiên, Việt Nam

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Phật Giáo.

Địa chỉ hiện tại: 15 Cao Bá Quát, Huế
Thừa Thiên, Việt Nam.

- Năm 1958, ba tôi tốt nghiệp trường Sư phạm Huế và ra dạy học.

- Năm 1968 ba tôi được gọi nhập ngũ vào Quân lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH), vào học trường Sĩ quan bộ binh Thủ Đức. Ra trường với cấp bậc Chuẩn úy và đưa về phục vụ tại đơn vị Tiểu khu Thừa Thiên (Trung tâm tiếp vận)

- Sau một thời gian, được biệt phái về dạy học trở lại, bổ làm Hiệu trưởng trường trung học Chuân An. (Huế) cho đến năm 1975. Cấp bậc cuối cùng là Trung úy.

- Trước đó ba tôi tốt nghiệp Đại học Luật khoa, với văn bằng Cử nhân.

- Năm 1975 Cộng sản lên nắm quyền ở Miền Nam Việt Nam.

- Vì có nhiều kinh nghiệm đấu với Cộng sản trong mấy chục năm chiến tranh tại Việt Nam nên ba tôi sớm có ý thức rõ ràng mặt trái của Cộng sản và không nghe lời tuyên truyền bịp bợm của chúng, nên ba tôi nhất quyết không ra trình diện với chính quyền Cộng sản địa phương, tìm cách rời khỏi nơi cư trú cũ của mình để trốn tránh, vì tiền liệu

trong lúc giao thời rất phức tạp. Do đó ba tôi thoát khỏi bị bắt tập trung cải tạo của chính quyền Cộng Sản.

- Vì ba tôi không thể chấp nhận sống chung trong cùng một xã hội với Cộng Sản, nên mấy năm sau đó, ba tôi nhiều lần tìm cách đưa gia đình trốn Cộng Sản, ra lánh nạn ở nước ngoài. Nhưng có may đã không đến với gia đình tôi. Tiền của hết sạch vì bị mất mát, ngay cả nhà ở cũng phải bán nốt, mà cuối cùng vẫn không đi được.

- Năm 1985, mẹ tôi vì quá buồn rầu, lo nghĩ về chuyện trốn chạy này nhiều lần không thành công, nên đã lâm bệnh nặng mà qua đời.

- Trong tình thế xã hội sinh sống, làm ăn khó khăn và luôn bị áp chế về mọi mặt, vốn tiền cũng chẳng còn, muốn nuôi con, không có con trường nào khác là ba tôi phải hành lại nghề cũ của mình, xin dạy học trở lại.

- Nhận thấy đường lối giáo dục của Cộng Sản quá sai lầm, phản dân tộc, phản khoa học nên ba tôi đã nhiều lần mạnh dạn chỉ trích nhưng ban Giám đốc của trường rất bảo thủ tin điều, chỉ theo đường lối Cộng Sản mù quáng, đã chụp mũ ba tôi nhiều lần là chống lại "đường lối giáo dục đúng đắn của Đảng và nhà nước". và chúng gán ghép tôi chống chế độ. Cuộc sống của gia đình tôi thêm khó khăn trong vật chất và tinh thần. Để tránh tai họa có thể xảy ra, ba tôi thấy

rằng tốt hơn hết là nên thôi việc, để làm nghề tự do sinh sống, và ba tôi đã nghĩ vậy.

- Trong lúc này ba tôi vẫn tiếp tục hoài bão của mình là tìm đường trốn ra nước ngoài. Trong điều kiện rõ cũng khó khăn, không thì nào đưa được toàn bộ gia đình đi được hết, nên cuối cùng chỉ có hai anh em tôi qua được Hong Kong, còn ba tôi và phần lớn gia đình đang còn bị kẹt lại.

- Sau khi hai anh em tôi đi rồi, chính quyền Cộng sản đã truy lùng, bắt bỏ những người tổ chức, trong đó có ba tôi. Sau đó chúng liên tiếp gọi ba tôi lên để hạch hỏi "tôi" trong nhiều ngày. Cuối cùng chúng cho ba tôi tại ngoại, chờ ngày truy tố ra tòa xét xử. Tôi rõ cũng lo lắng về vận mạng của ba tôi luôn luôn bị đe dọa, nếu sau này mở phiên tòa thì thế nào ba tôi cũng bị án tử và không sống nổi với Cộng sản.

- Gia đình tôi luôn khao khát một xã hội tự do dân chủ, trong đó quyền sống và quyền sinh hoạt của con người được bảo đảm và tôn trọng triệt để, nên được sự ủy nhiệm của ba tôi, tôi thay mặt, để viết đơn này kính xin Quý liên hội tận tình can thiệp với Chính phủ Hoa Kỳ để giúp gia đình tôi có cơ hội định cư tại Hoa Kỳ, và thoát khỏi một xã hội Cộng sản đã gây nhiều đau khổ cho gia đình tôi.

Gia đình tôi rất nóng lòng để biết hảo ý của Quý liên hội cũng kết quả của việc này.

Gia đình tôi xin Quý hiền hoi nhân nơi
đây lòng biết ơn sâu xa của chúng tôi.

Tôi xin đính kèm theo đây:

- 1/ Bản sao căn cước quân nhân của ba tôi.
- 2/ Bản sao Giấy báo quân vụ của ba tôi.
- 3/ Bản sao Bản kê khai công vụ của ba tôi.
- 4/ Bản sao Sự vụ lệnh bỏ' Hiệu trưởng của ba tôi.
- 5/ Bản sao bằng Cử nhân luật khoa của ba tôi.
- 6/ Bản sao giấy khai sinh của Ba tôi.
- 7/ ~~Bản sao giấy khai sinh của mẹ tôi.~~
- 8/ Giấy giá thú của ba mẹ tôi. (bản sao)
- 9/ Bản sao giấy khai tử của mẹ tôi.
- 10/ Bản sao Quyết định bỏ' dụng của mẹ tôi.
- 11/ Bản sao giấy khai sinh của các chị em tôi.
- 12/ Bản sao ảnh và căn cước của các chị em tôi.
- 13/ Bản sao giấy mời của Công an thành phố Huế
để thẩm tra ba tôi về việc hai anh em tôi
ra đi.

14/ Bản sao Câu hỏi cho người nộp đơn.

15/ Địa chỉ liên lạc:

{ Trần hoàng phương Ngọc
{ 15 Cao bá Quát
{ Huế, Việt Nam

Hong Kong 10/4/1990.

Nay kính đơn:

Trần hoàng Phương.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG SINH NHÂN DÂN

Số: 491/02247

Họ tên: **TRẦN HOÀNG CHÂU**

Sinh ngày: 02-2-1969

Nguyên quán: **Vỹ Dạ**

Hue, Bình Trị Thiên

Nơi thường trú: 15 Cao bá quát

Hue, Bình Trị Thiên

Dân tộc: **kinh** Tôn giáo : **phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Nốt ruồi c2cm trên
trước đuôi lông má
trái

Ngày 20 tháng 3 năm 1981

NGÓN TRỎ PHẢI



Signature

Dinh Ba



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 091.060248

Họ tên TRẦN THỊ
PHƯƠNG NGÀ

Sinh ngày 12-3-1967

Nguyên quán Vũ Đa

Hue, Bình Trị Thiên

Nơi thường trú 15 Cao Bá Quát

Hue, Bình Trị Thiên

Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo thẳng 2cm cắt
sau mép phải

Ngày 20 tháng 3 năm 198

KIỂM GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



Signature
Nguyễn Đình B.

QUỐC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN - CƯỚC

Số: 009844

QUÂN NHÂN



Họ Tên TRẦN DINH BA

Cấp bậc Trung Úy

Số quân 59/203.772

Ngày, nơi sinh 05-05-1939 tại

Quảng Ngãi

Cha TRẦN XUÂN MAI

Mẹ TRẦN NU THỊ TIỀN

QĐ. 849 A

AH 034256 Dấu vết riêng.

Chen ca phe cach 2 nhan
sen dui chuc mui phoi.

Số thẻ căn-cước dân sự: 528 3468

Ngày, nơi cấp 18-08-70 Hue

KBC 4125 , ngày 2.11.73

Thang

Cao : 1th. 65.

Loại máu : O +

Nón trở mặt

Nón trở trái

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỆT CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 100030558

Họ tên: TRẦN THỊ
PHƯƠNG THẢO

Sinh ngày: 30-4-1963

Nguyên quán: Hương Lưu,
Huế, Bình-Trị-Thiên.

Nơi thường trú: 15 Cao Bá
Quát, Huế, B. Trị Thiên.



Dân tộc: Kinh .. Tôn giáo: Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI



Nốt ruồi cách lẹm
dưới, sau đuôi lông
mày trái.

Ngày 21 tháng 4 năm 1978

NGÓN TRỎ PHẢI



KI/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG Từ CÔNG AN



TRƯỞNG Từ

A handwritten signature in black ink, likely of the official responsible for the stamp.

Le Thanh

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV /

Date: _____
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Punjabam Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch cơ bản

1. Name Họ, tên : TRẦN ĐÌNH BA Sex: Nam
Phái
2. Other Names Họ, tên khác : Không
3. Date/Place of Birth Ngày/Nơi Sinh : 05-5-1939 tại Quảng Ngãi (Việt Nam)
4. Residence Address Địa-chỉ thường-trú : 15 Cao Bá Quát - Huế
5. Mailing Address Địa-chỉ thư-tử : 15 Cao Bá Quát - Huế (Việt Nam)
6. Current Occupation Nghề-nghiep hiện tại : Nghề tự do

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M); Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Sex Nơi sinh	MS Phái	Relationship Tình trạng gia đình	Liên-hệ gia đình
1. <u>Trần Thị Phương Thảo</u>	<u>30-4-1963 tại Huế</u>	<u>Nữ</u>	<u>Độc thân</u>	<u>Con</u>	
2. <u>Trần Thị Phương Linh</u>	<u>08-4-1965</u>	<u>Huế</u>	<u>Nữ</u>	<u>Độc thân</u>	<u>Con</u>
3. <u>Trần Thị Phương Nga</u>	<u>12-3-1964</u>	<u>Huế</u>	<u>Nữ</u>	<u>Độc thân</u>	<u>Con</u>
4. <u>Trần Hồng Châu</u>	<u>01-3-1969</u>	<u>Huế</u>	<u>Nam</u>	<u>Độc thân</u>	<u>Con</u>
5. <u>Trần Hồng Phương Ngọc</u>	<u>05-4-1975</u>	<u>Huế</u>	<u>Nữ</u>	<u>Độc thân</u>	<u>Con</u>
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con nê cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ:

a. Name

Họ, Tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-dinh

c. Address

Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-dinh

c. Address

Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Dinh (Sống/Chết)

1. Father

Cha

2. Mother

Mẹ

3. Spouse

Vợ/Chồng:

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children

Con cái:

6. Siblings

Anh chị em:

- (1) Trần Thái Phụng Thảo
(2) Trần Hoàng Phụng (đang tù giam tại Hồng Kông)
(3) Trần Thái Phụng Chi
(4) Trần Thái Phụng Nga
(5) Trần Hoàng Châu
(6) Trần Hoàng Nguyễn (ở Tây Đức)
(7) Trần Hoàng Phụng Nga
(8) _____
(9) _____

- (1) Trần Đình Trạng
(2) _____
(3) _____
(4) _____
(5) _____
(6) _____
(7) _____
(8) _____
(9) _____

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Trần đình Ba

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 22-6-1968 Đến 01-9-1970

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Trung úy Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: Sq. 59/303.772

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Ban-Vụ/Binh-Chúng : Tiền khu Thừa thiên (Trung tâm tiếp vận)

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/quản-chức-huy : Đại úy Nguyễn Trọng Thiển

6. Reason for Separation : Sau 01/1975
 Lý do nghỉ việc : Sau 01/1975
7. Names of American Advisor(s):
 Họ tên cố vấn Mỹ : _____
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
 Chứng-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
 tại Viet-Nam : Training Singapore Bi Binh Tam Diem
9. U.S. Awards or Certificates
 Name of award: _____ Date received: _____
 Phần-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
 Available? Yes ☐ No ☐)
 (GHI-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thư nếu có.
 Đồng ý có không? Có ☐ Không ☐)

C. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
 ngoài quốc

1. Name of Student/Trainee:
 Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: Không
2. School and School Address :
 Trường và địa-chỉ nhà trường : _____
3. Dates: From _____ To _____
 Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
 Mô-tả ngành học : _____
5. Who paid for training?
 Ai đài-tho chứng-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of _____ was or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐)
 (GHI-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, _____ chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

II. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập

1. Name of Person in Reeducation:
 Họ tên người đi học-tập cải-tạo : Không
2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
 Thời gian học-tập Từ: _____ Đến: _____
3. Still in Reeducation? * Yes ☐ No ☐
 Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có ☐ Không ☐

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
 *(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Năm 1975 tôi không ra tranh diện nên không đi tập trung cải tạo
Thời gian phục vụ trong ngành giáo dục và chính phủ Việt nam long hòa trước 1975
là từ 1958 đến năm 1975
Và tôi là Hoàng thi Văn Anu phục vụ trong ngành y tế và chính phủ Việt nam
long hòa từ 1963 đến 1975

Signature Thi Anu Date 01-8-1989
 Ký tên : _____ Ngày: _____

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
 Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với bộ câu hỏi này

- | | | |
|------------------------------|--------------------------|-------------------------------|
| 1. Bản sao Cẩm ước quân nhân | 5. Bằng لی nhân Luật lưư | 9. Khai tử của v3 |
| 2. Bản sao Trưg nhc quân vu | 6. Khai sinh bản thân | 10. Quyết định bổ dụng của v3 |
| 3. Bản li khai công vu | 7. Khai sinh của v3 | 11. Khai sinh các con |
| 4. Sơ vụ tình b3 Hưu trưg | 8. Giấy thi | 12. Ảnh và cmm nước các con |

Viện kiểm sát nhân dân Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

B. T. T.

Số 530
LẦN CHÍNH

GIẤY BẢO BỊ CÁN

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

Bảo vệ bị can Trần Đình Ba tuổi
Địa chỉ 15 Cao Liệt Quát, phố Lấp, (thị trấn)
..... đường 15 giờ, ngày 24 - 6 - 89
(từ ngày 20 tháng 5 âm lịch) đến trụ sở Viện Kiểm sát,
nhân dân B. T. T. đặt tại 85 Phố Lấp, (thị trấn)
.....
để phục vụ công việc Đi nhận Cao Bằng

Nếu vì lý do gì mà không đến được thì phải được Chính quyền địa phương chứng thực và báo cáo cho Viện biết trước ngày định trên.

Giấy bảo này nhờ Cơ quan phụ trách chuyển giao và hoàn bản sao cho Viện Kiểm sát nhân dân

..... ngày 19 tháng 6 năm 1989
Viện Kiểm sát nhân dân B. T. T.

Thị trấn Lấp, (thị trấn)
gửi và đem theo đơn trình Viện
Kiểm sát nhân dân

.....
Thị trấn

BỘ NỘI VỤ
CÔNG AN B.T.T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 02 /GB

GIẤY BẢO

(LẦN THỨ V.)

Bảo cho ông, bà Trần Đình Ba

Ở 15 các cơ quan - Phường Hiệp - Huế

Đứng 7 giờ 30 ngày 8 tháng 4 năm 198 9

Phải có mặt tại Phòng An ninh AT và

Để Liên lạc

Thời gian làm việc 1 buổi

Mang theo đồ dùng cá nhân, gạo, tiền ăn trong thời gian làm việc.

Ngày 7 tháng 4 năm 198 9.



CƯỚC CHỦ: Yêu cầu ông bà mang giấy này đến gặp Ông

Tại 15 các cơ quan - Phường Hiệp - Huế

KHAI SANH

Tên họ ba mẹ: TRẦN-THỊ PHU-NG-CHU
 Nơi: _____
 Ngày: Ngày tám, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm sáu
mười lăm (08-7-1965)
 Tại: Phường Phú-mỹ, Huế
 Cha: Trần-dinh-Bá
 Tên: _____
 Tuổi: 26 tuổi
 Nghề: Giáo-chức
 Cư trú tại: Phường Phú-mỹ, Huế
 Mẹ: Hoàng-thị Văn-Anh
 Tên: _____
 Tuổi: 25 tuổi
 Nghề: Công-chức
 Cư trú tại: Phường Phú-mỹ, Huế
 Vợ: Chánh
 Chức vụ: _____
 Người khai: Trần-dinh-Bá
 Tên: _____
 Tuổi: 26 tuổi
 Nghề: Giáo-chức
 Cư trú tại: Phường Phú-mỹ, Huế
 Ngày khai: Ngày mười hai, tháng bảy, năm một ngàn chín
trăm sáu mươi lăm (22-7-1965)
 Người chứng thứ nhất: Tôn-nữ thị-Tiến
 Tên: _____
 Tuổi: 58 tuổi
 Nghề: Nội-trợ
 Cư trú tại: Phường Phú-mỹ, Huế
 Người chứng thứ nhì: Trần-dinh-Tùng
 Tên: _____
 Tuổi: 30 tuổi
 Nghề: Thợ may
 Cư trú tại: Phường Phú-mỹ, Huế

Lập tờ khai: Phường Phú-mỹngày: 22 - 7 - 1965

Người khai:

Họ họ:

Chức vụ:

Trần-dinh-BáNguyễn-bữu-NguyễnTôn-nữ thị-TiếnTrần-dinh-Tùng

Xã, Thị trấn Phước Hiệp
Thị xã, Quận Huế
Thành phố, Tỉnh Bình Trị Thiên



Ču HT 3/P 3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Quyền số

Họ và tên	Trần Hoàng Phương Ngọc		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày năm, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm (05.7.1975)			
Nơi sinh	Bệnh viện Huế			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Trần Đình Bá 37 tuổi		Hoàng Thị Vân Anh 36 tuổi	
Dân tộc Quốc tịch	Hinh Việt nam		Hinh Việt nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Giáo viên 15 Lạc Bá Quát, Huế		Y tá 15 Lạc Bá Quát, Huế	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	B.S. Phạm Ngọc Lan Trưởng khu Sản Phụ khoa, Bệnh viện Huế Giấy chứng nhân số 40-BVH/SPK ngày 07.7.1975			

TP. 685/77 - 4.500.000

Ngày 28 tháng 6 năm 1981

TM/UBND Như Hiệp ký tên đóng dấu

UBND khu phố Phú Hiệp
Ủy viên Thủ ký
(Ký tên và ấn dấu)
Nguyễn Nhật Tâm

KHAI SANH

Tên họ họ cha: TRẦN-THỊ PHU-ĐÌNH-THÂN
 Giới: Nữ
 Sinh: Ba mươi, tháng tư, năm một ngàn chín trăm sáu mươi
ba (30-4-1963)
 Nơi: làng Võ-dạ, xã Phú-hương, quận Phú-vang, Thừa-thiên
 Cha: Trần-dĩnh-Bá
 Nghề: Giáo-viên
 Cư trú tại: Vỹ-dạ, Thừa-thiên
 Mẹ: Hoàng-thị Văn-vinh
 Tuổi: 24 tuổi
 Nghề: Công-chức
 Cư trú tại: Vỹ-dạ, Thừa-thiên
 Vợ: Chánh-thức
 Người khai: Trần-dĩnh-Bá
 Tuổi: 24 tuổi
 Nghề: Giáo-viên
 Cư trú tại: Vỹ-dạ, Thừa-thiên
 Ngày khai: mười bốn, tháng năm, năm một ngàn chín trăm sáu
mười ba (14-5-1963)
 Người chứng thứ nhất: Hồ-tăng-Bính
 Tuổi: 25 tuổi
 Nghề: Giáo-viên
 Cư trú tại: Vỹ-dạ, Thừa-thiên
 Người chứng thứ hai: Nguyễn-khoa-Khiêm
 Tuổi: 26 tuổi
 Nghề: Giáo-viên
 Cư trú tại: Vỹ-dạ, Thừa-thiên

Phu-hương

~~Trần-dĩnh-Bá~~

Phung trích lục

Phu-hương ngày 22/6/68

Chức vụ

[Signature]

Lấy tại: Phú-hương ngày: 14 - 5 - 1963
 Người khai: Hồ-tăng-Bính Nhà chứng: Nguyễn-khoa-Khiêm
 Trần-dĩnh-Bá Nguyễn-văn-Lưu

SỐ HIEC 637

KHAI SANH

Họ và tên ấu nhi : Trần - thị Phụng Nga
Phái : Nữ
Sinh : Ngày hai tháng ba năm một ngàn
chín trăm sáu mươi bảy (12-3-1967)
Tại : Bình - viên Hè
Cha : Trần - trạch - Bá
Họ và tên
Tuổi : 28 tuổi
Nghề nghiệp : giao - chủ
Cư trú tại : 15 đường Cao Bá Quát Hè
Mẹ : Hoàng - thị - Văn - Anh
Họ và tên
Tuổi : 27 tuổi
Nghề nghiệp : Nhân - viên Bình - viên Hè
Cư trú tại : 15 đường Cao Bá Quát Hè
Vợ : Chánh - chủ
chánh hay chủ
Người khai : Nguyễn - văn - Vĩnh
Họ và tên
Tuổi : 38 tuổi
Nghề nghiệp : Bác - sĩ trường khu Hồ - sinh
Cư trú tại : Bình - viên Hè
Ngày khai : Ngày hai tháng ba năm một ngàn
chín trăm sáu mươi bảy
Người chứng thứ nhất :
Họ và tên :
Tuổi :
Nghề nghiệp :
Cư trú tại :
Người chứng thứ nhì :
Họ và tên :
Tuổi :
Nghề nghiệp :
Cư trú tại :

Làm tại Phủ - Ninh ngày 13 - 3 - 1967

Người khai

Họ lại

Nhân chứng

Nguyễn - văn - Vĩnh

Trần - Quốc - lý

KHAI SÁNH

Cố bản tại Nhà in TỰ-LẬP 54 Lê-Lợi Huệ

Họ và tên ấu nhi:	TRẦN-HOÀNG-CHAU
Phái:	Nam
Sinh:	Ngày, tháng, năm
Ngày, tháng, năm	mười chín(01-3-1969)
Tại:	Phường Phú-Mỹ, Quận Nhì, Huế
Cha:	Trần-đình-Bá
Họ và tên	
Tuổi:	30 tuổi
Nghề-nghiep:	quân-nhân
Cư trú tại:	KBC. 4.699
Mẹ:	Hoàng-thị Văn-Anh
Họ và tên	
Tuổi:	29 tuổi
Nghề-nghiep:	Công-chức
Cư trú tại:	Phường Phú-Mỹ, Huế
Vợ:	Chánh
Chánh hay thứ	
Người khai:	Trần-đình-Bá
Họ và tên	
Tuổi:	30 tuổi
Nghề-nghiep:	quân-nhân
Cư trú tại:	KBC. 4.699
Ngày khai:	Hai mươi tám, tháng ba, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín
Người chứng thứ nhất:	Nguyễn-Tây
Họ và tên	
Tuổi:	27 tuổi
Nghề-nghiep:	Cảnh-sát
Cư trú tại:	Phường Phú-bình, Huế
Người chứng thứ nhì:	Trần-Thị
Họ và tên	
Tuổi:	32 tuổi
Nghề-nghiep:	Cảnh-sát
Cư trú tại:	Phường Phú-bình, Huế

Làm tại Quận Nhì ngày 28 tháng 3 năm 1969
 Người khai Trần-đình-Bá Hộ lại Nguyễn-Tây
 Nhân chứng NGUYỄN-TÂY
 Trần-Thị

VIỆT-NAM-TUNG-HOÀ
SỐ /TƯ-Pháp
TỔ /Hòa-giải
Số /Hòa-giải
Ngày 18-4-57
Chứng-chi Thê-vi Khai-sinh
Cấp /TRẦN-ĐÌNH-BÁ

Năm một nghìn chín trăm năm mươi bảy tháng tám
ngày hai hồi chín giờ
Trước mặt chúng tôi là HỒ-VĂN-TIỆP, Thẩm-phán
Chánh-án Tòa Hòa-giải quận Phú-vang
ngồi tại Văn Phòng có ông BUI-HỮU-CHANH lục sự giúp việc
Có ông, bà TÔN-NỮ-THỊ-TIỆN (mời, nghề nghiệp)
Buồn-bán (trú tại) Vỹ-dạ, Phú-vang, Thừa-thiên
thẻ kiểm tra số 07B.000.601 ngày 10-10-55 do quận
Phú-vang cấp, đến trình rằng hiện không thể xin trích lục
khai sinh của ông TRẦN-ĐÌNH-BÁ / sinh ngày
05 tháng 5 năm 1939 tại làng Nghĩa-phương
quận Tư-nghĩa tỉnh Quảng-ngãi

Chiến-tranh, số bộ thất-lạc

nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của các nhân chứng có tên sau đây để lập chứng chỉ thay thế chứng thư bỏ tích phát triển

1. **Trần-hữu-Duận** 23 tuổi nghề nghiệp Học-sinh
(trú tại) Vỹ-dạ, Phú-vang, Thừa-thiên
thẻ kiểm tra số 36A.000.087 ngày 28-9-55
do quận Phú-vang cấp
2. **Nguyễn-đức-Thương** 23 tuổi nghề nghiệp Học-sinh
(trú tại) Vỹ-dạ, Phú-vang, Thừa-thiên
thẻ kiểm tra số 34A.000.181 ngày 29-9-55
do quận Phú-vang cấp
3. **Nguyễn-đức-Mến** 21 tuổi nghề nghiệp Buồn-bán
(trú tại) Vỹ-dạ, Phú-vang, Thừa-thiên
thẻ kiểm tra số 36A.000.2 ngày 28-7-55
do quận Hải-lăng cấp

Hà nhân chứng trên này sao khi đã xem thẻ và nghe đọc đơn của ông B. V. HÌNH-LUẬT phải tại văn phòng về việc bỏ đồng các đơn của ông

Trần-ĐÌNH-BÁ /
năm (05) tháng năm (5)
một ngàn chín trăm ba mươi chín (1939)
tại làng Nghĩa-phương quận Tư-nghĩa
tỉnh Quảng-ngãi con ông Trần-xuân-Mai (c)
Tôn-nữ-THỊ-TIỆN (mời ông bà về để lập chứng chỉ)

Những nhân chứng trên lại khai rằng hiện nay đương sự không thể xin sao lục giấy khai sinh nói trên được vì lẽ Chiến tranh

Số bộ thất lạc

Hỏi vậy Bản Tòa bằng theo lời khai của các nhân chứng và chiếu điều 47 . 48 H. V. HỘ - LUẬT. lập chứng chỉ thế vì khai sinh này cho tên Trần-dĩnh-Bá sinh ngày ngày tháng năm năm mười chín trăm ba

mười chín

tại làng Nghĩa-phương quận Tư-nghĩa tỉnh Quảng-ngãi con ông Trần-xuân-Mai (c) và bà Tôn-nữ thị-Tiến đề cấp cho đương sự theo như đơn xin.

Và các người chứng có ký tên với chúng tôi và ông Lục-Su (so sánh) nghe đọc lại

Lục-Su

Chánh Án

Thẩm-phán Hòa-giải

Những người chứng

người đương sự

Tôn-nữ thị-Tiến

1. Trần-hữu-Duận

2. Nguyễn-đức-Thương

3. Nguyễn-đức-Mến

Trước Bộ tại Huế

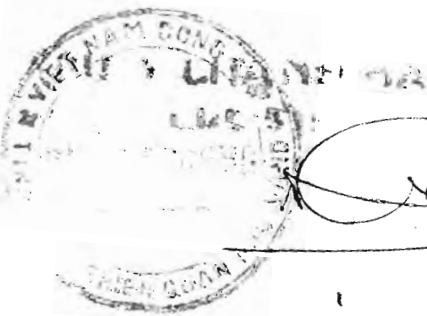
Ngày 15 tháng 2 năm 1957

Quyển 7 số 62 số 4.739

Thảo Miến thuế

CHỖ KÝ

Phan-văn-Dật



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu HT8/P3

Xã, thị trấn : _____

Thị xã, quận : _____

Thành phố, tỉnh : _____

GIẤY CHỨNG TỬ

Số _____

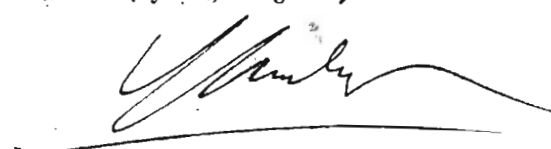
Quyền số _____

Họ và tên Nam hay nữ	Trần Thị Xuân Anh Nữ
Sinh ngày, tháng, năm	Thăm bảy tháng tư năm một ngàn chín trăm bốn mươi (27-4-1940)
Dân tộc Quốc tịch	Việt Việt Nam
Nơi ĐKNK thường trú	15 Lạc Việt, Hẻm, Bình trí Quận
Ngày, tháng, năm chết Nơi chết	Thăm lăm tháng bảy, năm một ngàn chín trăm bốn mươi lăm (15-7-1985) Bệnh viện Hanoi
Nguyên nhân chết	Bệnh
Họ, tên, tuổi người báo tử Nơi ĐKNK thường trú	Đoàn Sĩ
Số giấy CM, giấy CNCC Quan hệ với người chết	

Đăng ký ngày 21 tháng 8 năm 1985

TM/UBND

(ký tên, đóng dấu)



17') ANG KÊ-KHAI CÔNG-VU

Thêm-niên công-vụ kể từ ngày nhận việc đến nay, Thời-gian kê như sau :

- GVTH/TS từ 25.9.58, ND số 536-:	:	:	:	- Hiệu-trưởng trường TH:	:	:
GD ngày 13.4.59	:	2 :	0 :	Bình-dào (Q.Nam), ND	:	1 : 10 : 5
- GVTH/4 từ 25.9.60, ND số 1650-:	:	2 :	9 :	- Hiệu-trưởng trường TH	:	:
GD/NV/3B ngày 20.10.60	:	:	:	Mộc-đức (T.thiên), ND	:	4 : 1 : 7
- GVTH/3 từ 1.7.63, ND số 1334-	:	:	:	1607-GD nê 14.10.60	:	:
GD/NV/3H/ND ngày 25.9.63	:	2 :	6 :	Nhân-viên Ty Tiểu-học	:	:
- GVTH/2 từ 1.1.66, ND số 674-GD:	:	:	:	Thừa-thiên	:	3 : 9 : 15
NV/3H/ND ngày 04.4.66	:	1 :	9 :	Quản-vụ (từ 22.8.68	:	:
- GHBT/5 từ 05.10.67, ND số 2272-:	:	:	:	đến 21.9.70)	:	2 : 3 : 0
GD/NV/3F/ND ngày 05.10.67	:	2 :	0 :	Nhân-viên Ty Tiểu-học	:	:
- GHBT/4 từ 5.10.69, ND số 679-	:	:	:	Thừa-thiên	:	1 : 1 : 24
GD/NV/3HT/ND ngày 18.4.70	:	1 :	2 :	Quản-đốc trưởng Trung	:	:
- GHBT/3 từ 1.1.71, ND số 421-	:	:	:	học Thuận-An (T.thiên)	:	3 : 1 : 15
GD/NV/3HT/ND ngày 10.3.71	:	0 :	10 :	đến ngày 31.12.1974 :	:	:
- GSDIC/3 từ 8.11.71, ND số 1683-	:	:	:	SVL số 2239-GD/NV/2P:	:	:
GD/NV/2N/ND ngày 7.6.72	:	0 :	0 :	SVL Bgày 07.8.72	:	:
- GSDIC/2 từ 8.11.71, ND số 292-:	:	:	:	:	:	:
- GD/NV/2H/ND ngày 1.2.73	:	2 :	1 :	:	:	:
- GSDIC/1 từ 1.1.74, ND số 1460-:	:	:	:	:	:	:
VHGDTN/NV/2TG/ND ngày 1.7.74	:	1 :	0 :	:	:	:
đến ngày 31.12.1974	:	:	:	:	:	:

Thăm-niên công-vụ tổng-cộng: : : Thăm-niên công-vụ-tính: : :
 tính đến ngày 31.12.1974 : 16 : 3 : 6 : đến ngày 31.12.1974 : 16 : 3 : 6
 Tôi lấy danh-dự khai đúng sự thật, nếu man-khai tôi sẽ chịu hoàn-toàn trách-nhiệm.
 Huế, ngày 18 tháng 02 năm 1974
 Ký tên

KHẨN
K/Trưởng-ty VEGD và TN Thừa-thiên

Nanka

VIKH-QUINEN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ GIÁO-DỤC

1

S U - V U - D T P H

---:---:---

Số: 2239 -GD/NV/2P/S.L.

Chiều đề-nghị của Ty Tiểu-học Thừa-Thiên có sự thỏa-hiệp của Vi Chủ-Tịch Hội-Đồng Quản-Trị các Trung-học Tỉnh-hạt thuộc Tỉnh Thừa-Thiên;

Chiều nhu-cầu công-vụ;

Máy cử các giáo-chức có tên dưới đây giữ chức-vụ Quản-đốc các trường Trung-học Tỉnh-hạt kê sau thuộc Tỉnh Thừa-Thiên :

Tên họ	: Ngạch trật	: Nơi tòng-sự	: Chức-vụ đề-cử	: Tên Trường Tr.H. Tỉnh-hạt
C. Trần-Thúc-Ngung	: GSDIC/3	: Ty Tiểu-học Thừa-Thiên	: Quản-đốc	: Vinh-Thanh
C. Đặng-Xuân-Quả	: -nt-	: -nt-	: -nt-	: Hương-Long
C. Nguyễn-Văn-Vui	: GHBT/3	: -nt-	: -nt-	: Diên-Thành
C. Trần-Văn-Hiệp	: GSDIC/3	: -nt-	: -nt-	: Nam-Hòa
C. Nguyễn-Cầm-Tâm	: GHBT/5	: -nt-	: -nt-	: Lộc-Bồn
C. Trần-Bình-Bá	: GSDIC/3	: -nt-	: -nt-	: Phú-Thuận
C. Võ-Ngọc-Dương	: GSDIC/4	: -nt-	: -nt-	: Thủy-Phù

Saigon, ngày 07 tháng 8 năm 1972

TUN. TỔNG-TRƯỞNG BỘ GIÁO-DỤC,

Phụ-Tá Đặc-Biệt

Đặc-Trách Ngành TTH/BDGD,

Ấn ký : NGUYỄN-THANH-LIỆM.

Sao y bản chính :

NƠI NHẬN :

-Nhà Trung-Học 10b,

-Nhà Tiểu-học 10b

-Nhà Khảo-Thí 3b

-Khu Học-Chánh : Huế

-Khu Hành-Chánh : Thừa-Thiên

-Ty Tiểu-học Thừa-Thiên 10b

-Các trường Trung-học Tỉnh-hạt : Vinh-Thanh,

Hương-Long, Diên-Thành, Nam-Hòa, Lộc-Bồn,

Phú-Thuận, Thủy-Phù. thuộc Tỉnh Thừa-Thiên.

(mỗi nơi 3b - 1b cáo-trị)

-Vi. Bộ GD - VPPT.ĐT.TTH/BDGD

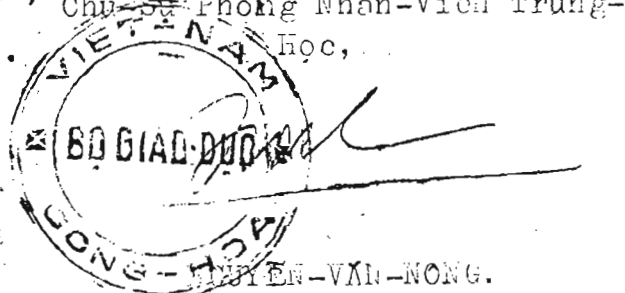
-VPPT.ĐT.ĐPT - Nhà Kế-hoạch và PCHV

-P. Pháp-chế 5b - Sở KSUC cạnh Bộ GD

-P. Bí-thư 2b

-Khu Nhân-viên : P.4, P.Lưu-trữ 3b

-Sở Văn-thư - HSCN - Lưu.-



VIỆT NAM CỘNG HÒA

Thừa-thiên

Phủ-vang

Phủ-thượng

13

TRÍCH - LỤC

chứng - thư hôn - thú

Tên họ người chồng	TRẦN-DÌNH-BÁ
nhề-nghiep	giáo-viên
sinh ngày	Năm (5) tháng năm (5) năm (1939)
Một ngàn chín trăm ba mươi chín	
tại	Làng Nghĩa-phương, quận Tư-nghĩa, Quảng-ngãi
cư ở tại	105 Đường Chi-lăng Huê
tạm trú tại	-nt-
Tên họ cha chồng	Trần-xuân-Mai (c)
sống chết phải nói	
Tên họ mẹ chồng	Tôn-nữ thị-Tiến (s)
sống chết phải nói	
Tên họ người vợ	HOÀNG-THỊ TÂN-ANH
nhề-nghiep	Nội-trợ
sinh ngày	Hai bảy (27) tháng Năm (4) năm Một ngàn
chín trăm bốn mươi (1940)	
tại	Bệnh-viện Huê
cư ở tại	Phổ-dông, Phú-thượng, Phú-vang
tạm trú tại	-nt-
Tên họ cha vợ	Hoàng-dĩnh-bảo (s)
sống chết phải nói	
Tên họ mẹ vợ	Châu-thị-Sang (s)
sống chết phải nói	
Ngày cưới	Chín tháng bảy, năm một ngàn chín
trăm sáu mươi hai (09-7-1962)	
Vợ không khai có hay không lập hôn khế /	
ngày / tháng / năm /	
tại / /	

Lưu Chương
25-4

Trích , bản chính
Phủ-thượng ngày 11 tháng 7 năm 1962

Vien chức họ - tich

Dặng-ngọc-Bích

Đặng Bích Lư
Phủ-thượng ngày 25-4-68
Chữ tích xã
Duyệt
Lê Duyệt

ĐỀ TÀI : ĐỀ TÀI ĐỀ TÀI VÀ QUAN-LY

LOẠI C

Cán Thiệu-Uy TRAN-ĐÌNH-BÁ

số quân 59/203.772

ĐỀ TÀI : ĐỀ TÀI

NHÂN DẠNG

05.05.1939 tại Nghĩa-phương : Tên :
Quận Tu-Nghĩa tỉnh Quảng-Ngai : Tên :
Họ-tên :
Con của : TRAN-XUAN-MAI :
và : TON NỮ THI-TEN :
Hiện ở : 15 Cao Bá quát Huế :
Kết hôn : :
Với : HOANG-THI VAN-ANH :
Hiện ở : 165 Chi-Lang, Huế :
Giấy phép kết hôn : :
Ngày : :
Cũ

CHÍNH-NGHĨA :

WÂN-VY LIÊN-TIẾP

- 22.06.1968 - Thanh niên thuộc tài nguyên SQTB nhưng chưa nhận được lệnh gọi trình diện tại Thừa-thiên ngày 22.06.1968 theo thông cáo ngày 01.06.1968 của Bộ Quốc-phòng. Quan vụ k/t ngày trình diện.
- Được tạm thời đưa đi thụ huấn khóa 5/68 tại TTHL/Quang-Trung trong khi chờ quyết định của NN/V/BQP.
- 12.08.1968 - Sinh Viên SQ/TB khóa 5/68 đến thụ huấn tại TTHL/Quang-Trung mãn khóa giai đoạn I phần Cán bản quân sự được chuyển đến trường Bộ Binh theo học giai đoạn 2 do Lệnh chuyển chuyên số 469/PNV/KS/1 ngày 09.10.1968 Công vụ k/t ngày 12.10.1968.
- 08.10.1968 - Đến Trường Bộ binh, để theo học khóa 5/68 SQTB. Được hưởng lương và phụ cấp lương bổng theo cấp Trung-Sĩ TB trật I k/t ngày 08.10.1968 do QĐ số 10154/TBB/PNV/QTKS/QĐ ngày 21.10.68 của Chuẩn-Tướng Chi-Huy-Trưởng Trường Bộ-Binh.
- 25.01.1969 - Mãn khóa trung tuyến, thăng cấp Chuẩn-Uy TB do ND số 102/TM/ND ngày 05.03.1969 của Đại-Tướng Tổng Tham Muu-Trưởng QL/VNCH và ĐTQXD của Tiểu-Khu Thừa-thiên do LTC số 11127/TBB/PNV/QTKS TC ngày 30.01.1969 của Chuẩn-Tướng Chi-Huy-Trưởng/TBB.
- 01.02.1969 - Chuyển chuyển đến Đại-Đội I/191 do LTC số 166/TKTT/QTNV/LTC ngày 15.02.1969 của Bộ Chi-Huy Tiểu-Khu Thừa-thiên.
- Được cấp phát âm số chuyển nghiệp quân sự CHINH số 240.0 do lệnh phân loại số 781/TKTT/NV/HQ ngày 20.03.1969 của BCH/TKTT.
- 15.05.1969 - Thuộc Đại-Đội I/191 chuyển chuyển đến Đại-Đội HCTV/Thừa-thiên Bộ sung phát, hưởng Viên do LTC/HTH số 332/TKTT/QTNV/LTC ngày 22.06.1969 của Bộ Chi-Huy Tiểu-Khu Thừa-thiên./-

CHIẾN-DỊCH :

: BIỂU-CHƯƠNG : Binh chủng ĐP/QN đã được 2 lần Tuyên Dương Cờ
: Công trạng trước quân-đội được quyền mang giấy Biểu chương m
: màu Anh Dũng Bội Tinh k/t ngày 10.00.68 do CL số 564/TM/CL
: GBC ngày 24.10.1968 của Bộ Tổng Tham Muu.
: ĐP/QN/QLQ biết phải Vùng I/CT được Ban thưởng Tượng lục
: cấp quân đội do CL số 036/TM/CL/TL ngày 11.02.1969 của BTM

Không

: HUY-CHƯƠNG :

Không

K H A N :

KBC. 6.123, ngày 31 tháng 3 năm 1970

Đại-Uy NGUYEN-TRUNG-THIN
Chi-Huy-Trưởng Trung-Tam QT/TV/TT

Trung-Uy NGUYEN-VAN-KHA
Trưởng Khối Quản-Tri Nhân-Viên

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI-HỌC LUẬT-KHOA

---+---

GIẤY CHỨNG - NHẬN

Số : *M73* /LK/CN

KHOA-TRƯỜNG ĐẠI-HỌC LUẬT-KHOA HUẾ



Chúng nhận :

Ông **TRẦN - ĐÌNH - BÁ**

sinh ngày **05.05.1939** tại **Quảng-Trãi**

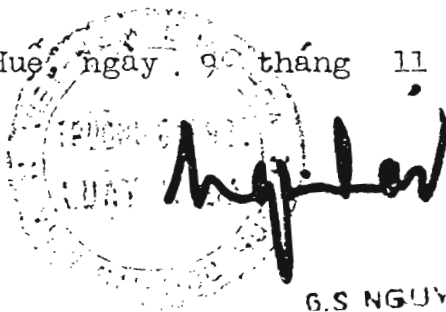
đã theo học chương-trình **VI-PHÁP**

và đã **TỐT-NGHIỆP CỬ-NHÂN LUẬT-KHOA**

Ban **VI-PHÁP**

Khóa **LII** Niên-học **1973-1974**

Huế, ngày **9** tháng **11** năm **1974** *nu*



G.S NGUYỄN-SI-HÀ

Giấy chứng nhận này
chỉ cấp một lần kèm
theo Chứng-Chỉ trúng-
tuyển kỳ thi năm
thứ TƯ Cử-Nhân Luật-
Khoa.

Việt-Nam Cộng-Hòa

-o-
BỘ Y-TẾ
-o-

Nghị-định hợp-thức-hóa việc bổ-dụng các Nữ
Ta-Viên Điều-Dưỡng khoa LV tại Saigon và
Huế vào ngạch Ta-Viên Điều-Dưỡng với trật
tập-sự.

Số :1878 -BYT/NVL/NĐ

Tổng-Trưởng Bộ Y-Tế,

Chiếu Sắc-lệnh số 1-TTP ngày 4.11.1963 ấn-định thành
phần Chính-Phu lâm-thời;

Chiếu Sắc-lệnh số 35-YT ngày 19.9.1949 ấn-định chức-
chương Bộ-Trưởng Bộ Y-Tế;

Chiếu Dụ số 9 ngày 14.7.1950 sửa đổi bởi Dụ số 16
ngày 1.6.1953 ấn-định quy-chế chung các công-chức;

Chiếu Nghị-định ngày 16.11.1952 thiết lập Quỹ Hưu-
Bổng Việt-Nam;

Chiếu Nghị-định số 1094-YTHC/NVCN ngày 15.10.1958
ấn-định quy-chế riêng ngạch Ta-Viên Điều-Dưỡng và ban bổ-túc số
1545-BYT/NVL/NĐ ngày 24.5.1960;

Chiếu Nghị-định số 1.798 và 1.851-BYT/YT/HL/NĐ ngày
4 và 6.6.1962 ấn-định danh-sách học-viên trung-tuyển kỳ thi tốt
nghệp Lớp Ta-Viên Điều-Dưỡng khoa LV tại Saigon và Huế;

Chiếu Sự-Vụ-Lệnh số 4132-BYT/NVL/SVL ngày 19.12.1962
tạm thời bổ-dụng các Nữ học-viên Ta-Viên Điều-Dưỡng khoa LV
tại Saigon và Huế;

Chiếu Nghị-định số 2.175, 2.277, 2.476 và 2.662-BYT/
NVL/NĐ ngày 16.7, 25.7, 16.8 và 5.9.1963 chuyển-chuyên các Nữ
Ta-Viên Điều-Dưỡng,

N G H I - Đ I N H :

Điều 1.- Để hợp-thức hóa, các Nữ học-viên tốt-nghệp
lớp Ta-Viên Điều-Dưỡng khoa LV tại Saigon và Huế được tạm thời
bổ nhập-ngạch Ta-Viên Điều-Dưỡng do Sự-Vụ-Lệnh chiếu thượng,
nay được bổ nhập-ngạch Ta-Viên Điều-Dưỡng với trật tập-sự chỉ
số lượng 160 và cử đến giúp việc tại các nhiệm sở sau đây :

Số trước tích	Họ và tên	Ngày sinh	Ngày nhận việc	Nhiệm sở
374	cc. Võ-thị-Khí	02.04.1933	01.01.63	Ty Y-Tế Khánh-Hòa
375	Lưu-thu-Linh	17.08.1940	27.12.62	" An-Giang
376	Lâm-thị Thiệu-Nga	20.04.1940	"	Bệnh-Viện Chợ-Rẫy
377	Nguyễn-thị-Hoàng	17.03.1940	26.12.62	" Saigon
378	Phan-Anh-Nguyệt	18.09.1937	"	" Nhi-Đông
379	Chung-thị Hồng-Loan	01.08.1936	03.01.63	Ty Y-Tế Long-An
380	Nguyễn-thị-Liên	18.02.1937	01.01.63	" Bình-Dương
381	Trương-thị Ngọc-Hoa	01.05.1940	"	" Vĩnh-Long
382	Nguyễn-thị-Liên	24.09.1940	"	Bệnh-Viện Đalat
383	Nguyễn-thị-Triệu	04.12.1937	"	Ty Y-Tế Kiến-Tương
384	Nguyễn-ngọc-Anh	27.11.1937	02.01.63	" An-Xuyên
385	Trương-thị-Ngân	02.06.1937	01.01.63	" Ba-Xuyên

386	Lê-thị-Hoa	25. 2.1939	1. 1.63	Bệnh-Viện T.U. Huế
387	Nguyễn-thị-Liên	30.12.1939	27.12.62	Ty Y-Tế Quảng-Tín
388	Hoang-thị-Vân-Anh	27. 4.1940	1. 1.63	Bệnh-Viện T.U. Huế
389	Nguyễn-thị-Bé	15. 8.1940	7. 1.63	Ty Y-Tế Thừa-Thiên
390	Nguyễn-Ngọc-Thiên	19. 5.1940	27.12.62	" Tây-Ninh
391	Nguyễn-thị-Ngọc	12. 6.1940	2. 1.63	" Thừa-Thiên
392	Hắc-thị-Tân	29.11.1942	7. 1.63	" Bình-Thuận
393	Trịnh-thị-Xuân-Nghĩa	20.11.1938	"	" Tuyên-Đức
394	Phu-thị-Mân	7. 7.1942	"	" Bình-Thuận
395	Tôn-nữ Cẩm-Vân	20. 3.1940	31.12.62	" Thừa-Thiên
396	Phạm-thị-Ba	20. 7.1940	1. 1.63	" Quảng-Nam
397	Tôn-nữ-Thị-Thâm	3.11.1938	"	Bệnh-Viện T.U. Huế
398	Tôn-nữ-Ngọc-Yến	2. 3.1940	4. 1.63	Ty Y-Tế Quảng-Ngai
399	Phan-thị-Hoàng-Anh	6.12.1939	"	" "
400	Lê-thị-Nguyên	2. 5.1939	1. 1.63	" Quảng-Trị
401	Mai-thị-Cúc	1. 2.1938	"	Bệnh-Viện T.U. Huế
402	Chu-thị-Minh-Nguyệt	5. 5.1939	"	" Đà-Nẵng
403	Nguyễn-thị-Thanh-Duy	8. 2.1940	4. 1.63	" T.U. Huế
404	Hoàng-thị-Bích-Vân	15.10.1940	1. 1.63	Ty Y-Tế Phú-Yên
405	Lê-thị-Chót	6. 6.1938	12.1. 63	" Pleiku
406	Dương-thị-Gấm	13. 1.1940	"	" "
407	Phan-thị-Nhung	15. 4.1939	14. 1.63	" Bình-Định

Điều 2.- Kể từ ngày thực sự nhận việc, lương bổng của các đương-sự do ngân-sách cơ-quan xử-dụng đại thọ.

Điều 3.- Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Y-Tế có nhiệm vụ thi hành nghị-định này.-

-Kiểm nhận Quỹ Hưu-Bổng Văn-Giai V.M.
ngày 16.4.1964 số 386-HT.

Saigon, ngày 15 tháng 6 năm 1964

-Kiểm nhận Nha Kiểm-Soát Ước-Chi
ngày 27.5.1964.

Ký : B.S. Vương-Quang-Trưởng

-Chiếu hội Nha Tổng Giám-Độc Công-Vụ
ngày 2.6.1964 số 7376-PPT/CV/CH.

Phụ-bổn :
Giám-Độc Nha Hành-Chánh, Nhân-Viên,
và Tài-Chánh,
Ký : Bùi-văn-Khanh

Nơi nhận :

-Nha Tổng-Giam-Độc Công-Vụ
-Nha TGD Ngân-Sách và Ngoại-Viện
-Phòng Kiểm-Tra Nhân-Số Nha Công-Vụ

Sao Y :
Chủ-Sứ Phòng Quan-Trị Nhân-Viên
Chánh-Ngạch,

-Tòa Hành-Chánh Tỉnh : An-Xuyên, An-Giang, Ba-Xuyên,
Bình-Dương, Bình-Thuận, Khanh-Hòa, Bình-Định, Kiên-Tượng,
Long-An, Quảng-Ngai, Quảng-Nam, Quảng-Tín, Phú-Yên, Pleiku,
Tuyên-Đức, Thừa-Thiên, Tây-Ninh.

Trần-Kim-Son

-Thanh-Phô Đalat, Nha Hưu-Bổng, Sở Công-Bảo

-Ty Y-Tế: An-Giang, An-Xuyên, Ba-Xuyên, Bình-Dương, Bình
Thuận, Bình-Định, Khanh-Hòa, Kiên-Tượng, Long-An, Quảng
Ngai, Quảng-Nam, Quảng-Trị, Quảng-Tín, Phú-Yên, Pleiku,
Tuyên-Đức, Thừa-Thiên, Tây-Ninh "để tổng đạt"

-Bệnh-Viện Huế, Đalat, Nhi-Đông, Saigon, Chợ-Rẫy "để tổng đạt"

-Lớp Tá-Viên Điều-Dưỡng Huế, Saigon "để tương"

-Sở Y-Tế, Tài-Chánh, Kiểm-Tra Tai-Nguyên

-Ban Kiểm-Soát Nhân-Số

-Phòng Nhân-Viên 2.2